

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**[ Tổng hợp tiếng Nhật 1 ]**  
**Mã học phần: JGE33041– Số tín chỉ: 04**

Dùng cho (các) ngành: Ngôn ngữ Anh Nhật  
Điều kiện tiên quyết (nếu có): không  
Hình thức đào tạo: Trực tiếp/Trực tuyến  
Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ

**1. Mô tả chung về học phần**

Học phần Tổng hợp tiếng Nhật 1 trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về ngôn ngữ. Sau khi học xong học phần này, người học có thể: Nắm vững cách viết và phát âm bảng chữ cái Hiragana, Katakana; Nắm vững cấu tạo và quy tắc viết chữ Hán; ghi nhớ âm đọc, ý nghĩa và cách viết khoảng 50 chữ Hán; Nắm vững các cấu trúc câu cơ bản: câu vị ngữ danh từ (khẳng định, phủ định, nghi vấn); sở hữu cách; câu vị ngữ động từ (khẳng định, phủ định, nghi vấn); Có khả năng nghe, nói những câu giao tiếp hội thoại thường ngày; Hiểu và sử dụng từ vựng liên quan của từng bài học trong luyện tập cấu trúc ngữ pháp và các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết. Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, và C4 của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ Anh-Nhật

**2. Các chữ viết tắt**

*Không*

**3. Chuẩn đầu ra của học phần**

Mã	Chuẩn đầu ra học phần
a1	Nắm vững cách viết và phát âm 2 bảng chữ cái; nắm vững cấu tạo, quy tắc và cách vận dụng khoảng 50 chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán; Nắm vững các cấu trúc câu cơ bản
a2	Vận dụng từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1
b1	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1
c2	Hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của tiếng Nhật đối với nghề nghiệp trong tương lai, tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm

**4. Giáo trình và tài liệu học tập**

**4.1. Giáo trình và tài liệu học tập:**

+ 3A Corporation, Japan “*みんなの日本語 初級 I-本冊*”, second Edition, 2012

+ 3A Corporation, Japan “*みんなの日本語 初級 I- 標準問題集*”, second Edition, 2012.

+ 3A Corporation, Japan “*みんなの日本語 初級 I- 漢字*”, second Edition, 2012

**4.2. Tài liệu tham khảo:**

+ Japan Foundation, まるごと- 日本の言葉と文化入門 A1 理解、2014

+ Japan Foundation, まるごと- 日本の言葉と文化入門 A1 活動、2014

+ Japan Foundation, いろいろ- 生活の日本語 - 入門 A1、2020

## 5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần phải tham gia đầy đủ các tiết học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì được sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành các nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

*Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:*

- Tham dự đầy đủ các buổi học theo quy định
- Có đầy đủ tài liệu học tập
- Đọc tài liệu, chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Làm bài tập về nhà và trên lớp đầy đủ, đạt kết quả.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về môn học, nâng cao vốn từ, trau dồi kỹ năng tự học, chăm chỉ, chủ động luyện tập để củng cố, nâng cao, mở rộng kiến thức.

## 6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
<b>Phần mở đầu: 2 bảng chữ cái và ngữ âm</b>					
1. Bảng chữ Hiragana và Katakana 1.1. Cách viết và phát âm chữ Hiragana - Katakana 1.2. Luyện tập: viết chính tả, nghe và phát âm 1.3. Câu chào hỏi, câu giao tiếp sử dụng trong lớp học; số đếm 2. Phần Ngữ âm 2.1. Âm đục, Âm ngắt, Trường âm, Áo âm 2.2. Luyện tập phần Ngữ âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV thảo luận, trả lời các câu hỏi về nước Nhật, ngôn ngữ Nhật.</li> <li>- Luyện viết chữ cái vào vở và theo tài liệu GV phát.</li> <li>- SV thực hành luyện phát âm.</li> <li>- Sv học và luyện viết các từ vựng GV cung cấp.</li> <li>- Luyện tập phần ngữ âm</li> </ul>	14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</li> <li>- Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp</li> <li>- Làm bài tập được giao</li> <li>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</li> </ul>	42	a1, a2, c2
<b>Bài 1</b> 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. Luyện tập B, Mondai, Bài tập 標準問題集 4. Hội thoại, Luyện tập C, Mondai phần Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi bài</li> <li>- Tương tác với GV để đặt câu với từ vựng và ngữ pháp tương đương.</li> <li>- Thảo luận, trao đổi thông tin với bạn để tìm ra các yếu tố văn hóa trong bài, so sánh nét tương đồng với văn hóa VN.</li> <li>- Vận dụng làm bài luyện tập</li> <li>- Nghe và thực hành hội thoại theo cặp</li> </ul>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</li> <li>- Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp</li> <li>- Làm bài tập được giao</li> <li>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</li> </ul>	18	a1, a2, b1, c2
<b>Bài 2</b> 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. Luyện tập B, Mondai, Bài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi bài</li> <li>- Tương tác với GV để đặt câu với từ vựng và ngữ pháp tương đương.</li> </ul>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</li> </ul>	15	a1, a2, b1, c2

tập 標準問題集 4. Hội thoại, Luyện tập C, Mondai phần Nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận, trao đổi thông tin với bạn để tìm ra các yếu tố văn hóa trong bài, so sánh nét tương đồng với văn hóa VN.</li> <li>- Vận dụng làm bài luyện tập</li> <li>- Nghe và thực hành hội thoại theo cặp</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp</li> <li>- Làm bài tập được giao</li> <li>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</li> </ul>		
<b>Bài 3</b> 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. Luyện tập B, Mondai, Bài tập 標準問題集 4. Hội thoại, Luyện tập C	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi bài</li> <li>- Tương tác với GV để đặt câu với từ vựng và ngữ pháp tương đương.</li> <li>- Thảo luận, trao đổi thông tin với bạn để tìm ra các yếu tố văn hóa trong bài, so sánh nét tương đồng với văn hóa VN.</li> <li>- Vận dụng làm bài luyện tập</li> <li>- Nghe và thực hành hội thoại theo cặp</li> </ul>	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</li> <li>- Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp</li> <li>- Làm bài tập được giao</li> <li>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</li> </ul>	15	a1, a2, b1, c2
Đánh giá 1: 15% <i>Kiểm tra trắc nghiệm- tự luận</i> <i>Đánh giá phần chữ cái, ngữ âm, từ vựng, cấu trúc câu đã học từ đầu - bài 3</i>	Nghiêm túc làm bài đánh giá theo hình thức trắc nghiệm, tự luận theo thời gian quy định	1	Ôn tập các kiến thức đã học từ đầu đến bài 3	3	a1, a2, b1
<b>Bài 4</b> 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. Luyện tập B, Mondai, Bài tập 標準問題集 4. Hội thoại, Luyện tập C, Mondai phần Nghe 5. Giới thiệu về chữ Hán Kanji + Bài 1 Kanji	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi bài</li> <li>- Tương tác với GV để đặt câu với từ vựng và ngữ pháp tương đương.</li> <li>- Thảo luận, trao đổi thông tin với bạn để tìm ra các yếu tố văn hóa trong bài, so sánh nét tương đồng với văn hóa VN.</li> <li>- Vận dụng làm bài luyện tập</li> <li>- Nghe và thực hành hội thoại theo cặp</li> <li>- Tập viết chữ Hán, vận dụng làm bài tập</li> </ul>	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</li> <li>- Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp</li> <li>- Làm bài tập được giao</li> <li>- Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet</li> </ul>	24	a1, a2, b1, c2
<b>Bài 5</b> 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. Luyện tập B, Mondai, Bài tập 標準問題集	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng, ghi bài</li> <li>- Tương tác với GV để đặt câu với từ vựng và ngữ pháp tương đương.</li> <li>- Thảo luận, trao đổi thông tin với bạn để tìm ra các yếu tố văn hóa trong</li> </ul>	6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp</li> <li>- Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp</li> </ul>	18	a1, a2, b1, c2

4. Hội thoại, Luyện tập C, Mondai phần Nghe 5. Bài 2 Kanji	bài, so sánh nét tương đồng với văn hóa VN. - Vận dụng làm bài luyện tập - Nghe và thực hành hội thoại theo cặp - Tập viết chữ Hán, vận dụng làm bài tập		- Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet		
<b>Bài 6</b> 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. Luyện tập B, Mondai, Bài tập 標準問題集 4. Hội thoại, Luyện tập C, Mondai phần Nghe 5. Bài 3 Kanji	- Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với GV để đặt câu với từ vựng và ngữ pháp tương đương. - Thảo luận, trao đổi thông tin với bạn để tìm ra các yếu tố văn hóa trong bài, so sánh nét tương đồng với văn hóa VN. - Vận dụng làm bài luyện tập - Nghe và thực hành hội thoại theo cặp - Tập viết chữ Hán, vận dụng làm bài tập	6	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	18	a1, a2, b1, c2
<b>Bài 7</b> 1. Từ mới 2. Ngữ pháp 3. Luyện tập B, Mondai, Bài tập 標準問題集 4. Hội thoại, Luyện tập C, Mondai phần Nghe 5. Bài 4 Kanji	- Nghe giảng, ghi bài - Tương tác với GV để đặt câu với từ vựng và ngữ pháp tương đương. - Thảo luận, trao đổi thông tin với bạn để tìm ra các yếu tố văn hóa trong bài, so sánh nét tương đồng với văn hóa VN. - Vận dụng làm bài luyện tập - Nghe và thực hành hội thoại theo cặp - Tập viết chữ Hán, vận dụng làm bài tập	6	- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp - Ôn tập bài giáo viên đã dạy trên lớp - Làm bài tập được giao - Tự tìm kiếm các tài liệu liên quan qua các sách, từ điển, internet	18	a1, a2, b1, c2
Đánh giá 2: 15% <i>Kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết.</i> <i>Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán đã học vào bài kiểm tra nghe, đọc, viết và trả lời vấn đáp của GV.</i>	Nghiêm túc làm bài kiểm tra tự luận (nghe, đọc, viết) và vấn đáp theo thời gian quy định	2	Ôn tập các kiến thức đã học từ bài 1- bài 7	6	a1, a2, b1, c2
<b>Ôn tập</b>		<b>1</b>		<b>3</b>	
<b>Tổng số tiết/giờ học</b>		<b>60</b>		<b>180</b>	

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

## 7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra			
			a1	a2	b1	c2
Quá trình	ĐG1. Trắc nghiệm + TỰ luận	25%	x	x	x	
	ĐG2. TỰ luận + Vấn đáp	25%	x	x	x	x
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	x	x	x	x
<i>Tổng cộng:</i>		100%				

### 8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1 - Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: kiểm tra trắc nghiệm+ tự luận
- Mô tả bài đánh giá [bài đánh giá 1 tập trung kiểm tra khả năng ghi nhớ chữ cái, từ vựng, khả năng vận dụng cấu trúc câu đã học từ đầu - bài 3 bằng hình thức trắc nghiệm và tự luận]:
- Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Nắm vững chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Nắm vững 85% trở lên đối với chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Nắm vững từ 70%-84% chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Nắm được 55% đến 69% chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Nắm được 40%-54% chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Không nhớ 2 bảng chữ cái, không hiểu ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản
a2: vận dụng từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Vận dụng tốt từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Vận dụng khá tốt từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Vận dụng tương đối từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Vận dụng một chút từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Không vận dụng được từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1
b1: Có kỹ năng đọc, viết các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Có kỹ năng đọc, viết tốt các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Có kỹ năng đọc, viết tương đối tốt các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Có kỹ năng đọc, viết ở mức độ trung bình các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Có một chút kỹ năng đọc, viết các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Không có kỹ năng đọc, viết các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1

### 8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, b1, c2. Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: tự luận và vấn đáp

Mô tả bài đánh giá: bài đánh giá 2 kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết.

Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán đã học vào bài kiểm tra nghe, đọc, viết và trả lời vấn đáp của GV.

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Năm vững chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Năm vững 85% trở lên đối với chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Năm vững từ 70%-84% chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Năm được 55% đến 69% chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Năm được 40%-54% chữ cái, ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản	Không nhớ 2 bảng chữ cái, không hiểu ngữ âm, quy tắc chữ Hán, cấu trúc câu cơ bản
a2: vận dụng từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Vận dụng tốt từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Vận dụng khá tốt từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Vận dụng tương đối từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Vận dụng một chút từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1	Không vận dụng được từ vựng và cấu trúc câu để thực hành ngôn ngữ ở cấp độ A1
b1: Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tốt các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đối tốt các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung bình các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Có một chút kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	Không có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các từ ngữ, câu đơn giản về các chủ đề giao tiếp hội thoại thường ngày ở cấp độ A1
c2: hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của tiếng Nhật đối với nghề nghiệp trong tương lai, kỹ năng làm việc nhóm	Có nhận thức đúng đắn về vai trò của tiếng Nhật đối với nghề nghiệp trong tương lai, kỹ năng làm việc nhóm	Có nhận thức khá đúng đắn về vai trò của tiếng Nhật với nghề nghiệp trong tương lai, kỹ năng làm việc nhóm	Có nhận thức tương đối đúng đắn về vai trò của tiếng Nhật với nghề nghiệp trong tương lai, kỹ năng làm việc nhóm	Có một chút nhận thức đúng đắn về vai trò của tiếng Nhật đối với nghề nghiệp trong tương lai, kỹ năng làm việc nhóm	Không có nhận thức đúng đắn về vai trò của tiếng Nhật đối với nghề nghiệp trong tương lai, kỹ năng làm việc nhóm

### 8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

#### Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Tự luận + Vấn đáp
- Mục đích:
  - o Đánh giá năng lực ghi nhớ từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của người học
  - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp đã học để mô tả và dịch được các đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề
  - o Đánh giá khả năng vận dụng từ vựng và ngữ pháp trong giao tiếp các câu ngắn trong đời sống hàng ngày
  - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập

- Đánh giá khả năng làm việc nhóm.

**Thi vấn đáp gồm 2 phần:**

Phần 1: trả lời 5 câu hỏi của giáo viên về 1 trong các chủ đề đã học. Mỗi câu trả lời đúng được 2 điểm, tổng số điểm phần này là 10.

Phần 2: Bốc thăm chủ đề và hội thoại theo cặp đôi. Tổng số điểm là 10.

**Phần thi viết:**

Bài thi gồm 2 phần Trắc nghiệm + Tự luận bao gồm các kĩ năng: nghe, từ vựng + ngữ pháp, đọc, viết:

- Nghe: 15 câu : 5 câu tự luận (trả lời câu hỏi); 5 câu chọn tranh đúng, 5 câu chọn nội dung đúng - sai
- Từ vựng + ngữ pháp: 35 câu trắc nghiệm
- Đọc: 10 câu trắc nghiệm
- Viết: Tự luận: viết 5 câu hoàn chỉnh dựa trên các từ cho sẵn
- Viết đoạn văn gồm 10 câu theo chủ đề.
- Các câu hỏi kĩ năng nghe, đọc+từ vựng, đọc được thiết kế liên quan đến nội dung đã học theo mức độ từ dễ đến khó. Mỗi câu đúng được 1 điểm. Tổng số điểm là 60
- Các câu hỏi kĩ năng viết: mỗi phần được 10 điểm. Tổng số điểm là 20.
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 100 và qui ra thang điểm 10.

Chuẩn đầu ra: a1;a2;b1;c2.

**Ma trận đánh giá**

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1	Hiểu rõ, ghi nhớ và liên kết tốt các kiến thức từ vựng, chữ Hán, cấu trúc câu trong học phần đã học để làm phần kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.	Hiểu khá rõ, ghi nhớ và liên kết các kiến thức từ vựng, chữ Hán, cấu trúc câu trong học phần đã học để làm phần kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.	Hiểu ở mức độ trung bình ghi nhớ và liên kết các kiến thức từ vựng, chữ Hán, cấu trúc câu trong học phần đã học để làm phần kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.	Hiểu ở mức độ hạn chế và chưa ghi nhớ chưa liên kết được các kiến thức từ vựng, chữ Hán, cấu trúc câu trong học phần đã học để làm phần kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.	Chưa hiểu, chưa ghi nhớ, chưa liên kết được các kiến thức từ vựng, chữ Hán, cấu trúc câu trong học phần đã học để làm phần kiểm tra từ vựng, ngữ pháp.
a2	Vận dụng tốt từ vựng và ngữ pháp đã học để thực hành nghe, mô tả và dịch được các đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề	Vận dụng khá tốt từ vựng và ngữ pháp đã học để thực hành nghe, mô tả và dịch được các đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề	Vận dụng ở mức độ trung bình từ vựng và ngữ pháp đã học để thực hành nghe, mô tả và dịch được các đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề	Vận dụng ở mức độ hạn chế từ vựng và ngữ pháp đã học để thực hành nghe, mô tả và dịch được các đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề	Vận dụng tốt từ vựng và ngữ pháp đã học để thực hành nghe, mô tả và dịch được các đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề
b1	Thể hiện tốt kỹ năng nói, viết theo chủ	Thể hiện khá tốt kỹ năng nói, viết theo	Thể hiện ở mức độ trung bình kỹ năng	Thể hiện ở mức độ hạn chế kỹ năng	Chưa thể hiện được kỹ năng nói, viết theo



Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
	đề giao tiếp và hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	chủ đề giao tiếp và hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	nói, viết theo chủ đề giao tiếp và hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	nói, viết theo chủ đề giao tiếp và hội thoại thường ngày ở cấp độ A1	chủ đề giao tiếp và hội thoại thường ngày ở cấp độ A1
c2 Hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của tiếng Nhật đối với nghề nghiệp trong tương lai, tự học, làm việc theo cặp, theo nhóm	Thể hiện tốt ý thức tổ chức kỉ luật, ý thức chủ động, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo cặp đôi trong khi thi, đặc biệt là phần thi vấn đáp và hội thoại	Thể hiện khá tốt ý thức tổ chức kỉ luật, ý thức chủ động, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo cặp đôi trong khi thi, đặc biệt là phần thi vấn đáp và hội thoại	Thể hiện ở mức độ trung bình ý thức tổ chức kỉ luật, ý thức chủ động, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo cặp đôi trong khi thi, đặc biệt là phần thi vấn đáp và hội thoại	Thể hiện ở mức độ hạn chế ý thức tổ chức kỉ luật, ý thức chủ động, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo cặp đôi trong khi thi, đặc biệt là phần thi vấn đáp và hội thoại	Thể hiện hoàn toàn không tốt ý thức tổ chức kỉ luật, ý thức chủ động, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo cặp đôi trong khi thi, đặc biệt là phần thi vấn đáp và hội thoại

#### 8.4 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

$$Z = \frac{\text{Đánh giá 1} * 25\% + \text{Đánh giá 2} * 25\% + \text{bài kiểm tra cuối kì} * 50\%}{100}$$

100

#### 9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):  
Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:  
+ bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa  
+ projector  
+ Loa, Đài cassette  
+ Lớp học không quá 35 sinh viên
- Yêu cầu đối với sinh viên:
  - + Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
  - + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
  - + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

#### 10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Giảng viên và sinh viên tuân thủ các quy định về lớp học; quy định về an toàn phòng chống cháy nổ; quy định về phòng thực hành tiếng và các quy định khác của nhà trường và khoa.

#### 11. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số tiết. Nếu nghỉ từ 10%-20% sẽ bị trừ vào điểm chuyên cần. Nếu nghỉ 30% trở lên, sinh viên phải học lại học phần này.

Làm bài tập được giao đầy đủ, đúng hạn. Nếu không đúng hạn sẽ bị trừ 1 điểm vào 1 bài đánh giá.

Trong lớp không mất trật tự, nếu mất trật tự gây ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học sẽ bị trừ 1 điểm vào bài kiểm tra hết môn.

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng  
xây dựng CTĐT ngành**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 20....*  
**Người biên soạn**

**TS. Trần Thị Ngọc Liên**

**ThS. Phạm Thị Hoàng Diệp**